

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐÓI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dư toán số 78 ngày 05 tháng 9 năm 2023)
(Kèm theo Ủy nhiệm chi số 58 ngày 05 tháng 9 năm 2023)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☒

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MÀM NON PHÚ HÒA**
2. Mã đơn vị: **1111101**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: **114000081591** mở tại ngân hàng **TMCP Công thương VN- CN12**

L. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Trong đó:				Tiền công phục vụ bán trú T9/2023	Tiền khoản	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng				Phụ cấp ưu đãi 35%	Hỗ trợ giáo dục mầm non 25% theo NQ01/2014/NQ-HĐND	Hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2017 /NQ-HĐND	Phụ cấp trách nhiệm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)					(10)	(12)	
Tổng số				367.183.436	191.929.188	21.822.606	60.516.542	46.655.100	33.750.000	180.000	11.330.000	1.000.000	
1	Đổi với công chức, viên chức:		334.030.830	191.929.188	-		60.516.542	46.655.100	33.750.000	180.000	-	1.000.000	-
1	Lê Thị Ngọc Thiện	103006383602	NH Công thương	14.834.225	9.628.625		3.036.600	2.169.000					
2	Nguyễn Thị Kim Thủy	108869385828	NH Công thương	17.233.354	11.154.033		3.546.271	2.533.050					
3	Võ Thanh Bình	102006134439	NH Công thương	10.583.696	6.598.496		2.324.700	1.660.500					
4	Lê Thị Mỹ Ngọc	103004382441	NH Công thương	18.222.086	10.970.765		3.325.771	2.375.550	1.550.000				
5	Nguyễn Thị Tuyết Mai	109004382432	NH Công thương	17.358.014	10.429.614		3.137.400	2.241.000	1.550.000				
6	Tôn Nữ Đồng Các	107006228545	NH Công thương	17.659.074	10.514.674		3.263.400	2.331.000	1.550.000				
7	Nguyễn Thị Kim Dung	101868923973	NH Công thương	16.956.874	10.028.474		3.137.400	2.241.000	1.550.000				
8	Nguyễn Thị Thanh Trúc	101006563775	NH Công thương	10.993.846	5.847.446		2.097.900	1.498.500	1.550.000				
9	Đinh Thị Thanh Trúc	101006563775	NH Công thương	10.993.846	5.847.446		2.097.900	1.498.500	1.550.000				
10	Phùng Quang Tuyết Vân	102004382442	NH Công thương	16.261.120	9.548.720		3.011.400	2.151.000	1.550.000				
10	Nguyễn Trần Ngọc Khuynh	108005363079	NH Công thương	13.290.886	7.464.086		2.494.800	1.782.000	1.550.000				
11	Từ Mạnh Linh	107004450735	NH Công thương	12.312.974	6.820.974		2.299.500	1.642.500	1.550.000				
12	Nguyễn Thu Thủy	100006228542	NH Công thương	11.695.639	6.672.439		2.230.200	1.593.000	1.200.000				
13	Nguyễn Thị Tường Vy	108001546903	NH Công thương	9.841.863	5.369.463		1.908.900	1.363.500	1.200.000				
14	Võ Thị Thu Sương	107006134434	NH Công thương	9.841.863	5.369.463		1.908.900	1.363.500	1.200.000				
15	Phạm Thị Diệp	102004729186	NH Công thương	10.762.283	5.723.883		2.034.900	1.453.500	1.550.000				
16	Phạm Thị Diệp	105006134436	NH Công thương	10.232.369	5.759.969		1.908.900	1.363.500	1.200.000				
17	Võ Thị Thủy Hồng	105006134436	NH Công thương	10.232.369	5.759.969		1.908.900	1.363.500	1.200.000				
17	Trần Hoàng Châu Ngân	101866672871	NH Công thương	9.793.050	5.320.650		1.908.900	1.363.500	1.200.000				
18	Phạm Ngọc Lan Anh	106006589658	NH Công thương	10.143.050	5.320.650		1.908.900	1.363.500	1.550.000				
19	Nguyễn Thị Thủy An	103001081495	NH Công thương	10.094.236	5.271.836		1.908.900	1.363.500	1.550.000				
20	Mai Thị Thanh Nghĩa	104006134437	NH Công thương	10.240.677	5.418.277		1.908.900	1.363.500	1.550.000				
21	Bùi Nguyễn Xuân Thảo	103006134438	NH Công thương	10.240.677	5.418.277		1.908.900	1.363.500	1.550.000				
22	Nguyễn Thị Kiều Trinh	104006134440	NH Công thương	10.289.486	5.467.086		1.908.900	1.363.500	1.550.000				
23	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	101001601053	NH Công thương	9.220.074	4.732.474		1.713.600	1.224.000	1.550.000				

STT	Họ và tên	Tại khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Trong đó:				Tiền công phục vụ ban trú T9/2023	Tiền khoản	Chi chủ
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng				Phụ cấp ưu đãi 35%	Hỗ trợ giao dục miễn non 25% theo NQ01/2014/NQ-HĐND	Hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND	Phụ cấp trách nhiệm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
24	Trương Thị Thủy Phương	106002501924	NH Công thương	7.957.085	4.154.285		1.518.300	1.084.500	1.200.000				
25	Nguyễn Thị Tuyết	0332123712	NH Công thương	8.035.309	3.882.509		1.518.300	1.084.500	1.550.000				
26	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	101879292074	NH Công thương	13.052.200	6.766.200		2.646.000	1.890.000	1.750.000				
27	Trương Hồng Hải	101876921449	NH Công thương	8.841.560	6.379.560			1.782.000		180.000		500.000	
28	Nguyễn Thị Hạnh	108004382460	NH Công thương	8.043.260	5.896.260			1.647.000				500.000	
III	Đội với lao động thường xuyên theo hợp đồng		33.152.606	-	21.822.606		-	-	-	-	11.330.000	-	-
29	Nguyễn Thị Thuường	109006334488	NH Công thương	4.481.802		4.481.802							
30	Lê Thị Xuân Như	109001128892	NH Công thương	4.481.802		4.481.802							
31	Lý Yên By	105003385556	NH Công thương	4.188.600		4.188.600							
32	Nguyễn Thị Hồng Hà	108867567468	NH Công thương	4.188.600		4.188.600							
33	Trần Thị Kim Sang	102875191535	NH Công thương	4.481.802		4.481.802							
34	Lê Thị Bích Thủy	109872456322	NH Công thương	5.600.000								5.600.000	
35	Hàng Vi Tê	100876233252	NH Công thương	5.730.000								5.730.000	

Tổng số tiền bằng chi Ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm tám trăm ba nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng.

HL. Phần thuyết minh chi Ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm tám trăm ba nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng.

Giảm số tiền - 494.535.172 đồng

Lý do: Tăng lương và phụ cấp theo lương

38.694.058 đồng

Tăng PCUD 35%

12.612.594 đồng

Tăng PC hỗ trợ MN 25%

9.599.544 đồng

Tăng hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND

16.050.000 đồng

Tăng phụ cấp trách nhiệm

31.000 đồng

Giảm hỗ trợ CNTT theo NQ04-Quy 2/2023

-571.522.368 đồng

Ngày 04 tháng 9 năm 2023

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thị trường đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Trương Hồng Hải

Trương Hồng Hải

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày:..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

